

Bản án số: 625/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 28/09/2022
V/v: Tranh chấp ly hôn, con
chung, chia tài sản chung khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

2. Bà Nguyễn Hoàng Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 28 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2022/TLPT-HNGĐ ngày 15/4/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về con chung, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 818/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4568/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 08 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 11998/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 09 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bà Đỗ Thị L, sinh năm 1984 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn (để giải quyết về tài sản chung): Ông Võ Vương Q, sinh năm 1976 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện H, Thành phố H.

Theo giấy ủy quyền lập tại Văn phòng công chứng Lý Thị Như Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, số công chứng 008822 quyền số 07/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17/07/2019.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Chánh 1, xã T, huyện H, Thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Đào Thị Thanh Th, sinh năm 1956 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: khu phố 4, phường Ti, Thành phố B, Tỉnh Đ

2/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt),

3/ Ông Trần Đình Q, sinh năm 1989 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Cùng địa chỉ: 1A xã H, huyện C, Thành phố H.

4/Bà Hồ Thị H, sinh năm 1997 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt)(vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: đường S, xã P, huyện C, Thành phố H.

Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Đỗ Thị L và ông Võ Vương Q là người đại diện hợp pháp của bà L để giải quyết về tài sản chung cùng trình bày:

Bà L và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 138/2010 do Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại căn nhà số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là nhà 9A Suối Lợi) đến năm 2015 do phải sửa chữa nhà nên chuyển về sống tại căn nhà số ấp Chánh 1, xã T, huyện H, Thành phố H.

Do ông T rất gia trưởng, tư tưởng phong kiến trọng nam khinh nữ, bản tính cộc cằn thô lỗ, tự quyết định mọi vấn đề và không tôn trọng vợ nên vợ chồng bà có việc làm ổn định nhưng không có hạnh phúc. Ông T còn chung sống như vợ chồng và có con riêng với người phụ nữ khác bên ngoài tên là Nguyễn Thị Phượng trong khi vẫn còn tồn tại hôn nhân hợp pháp với bà L, vi phạm chế độ hôn nhân một vợ một chồng nhưng vì nghĩ đến uy tín và danh dự cho chồng nên bà L không có tố cáo cũng như không yêu cầu tòa xử lý đối với hành vi này của ông T. Bà và ông T sống ly thân từ năm 2018 đến nay đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà L yêu cầu được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống, lo tương lai cho các con.

-Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Ngân (nữ), sinh ngày 11/12/2011 và Nguyễn Bảo Ân (nữ), sinh ngày 30/07/2016 hiện đang sống chung với bà L. Bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con đến khi hai con tròn 18 tuổi, bằng cách cấp dưỡng một lần số tiền 675.000.000 đồng, cụ thể như sau:

Nguyễn Hoàng Ngân: 2.500.000đ/tháng x 132 tháng = 275.000.000 đồng

Nguyễn Bảo Ân: 2 500.000đ/tháng x 192 tháng = 400.000.000 đồng.

-Về tài sản chung có:

+ Căn nhà tại số ấp Chánh 1, xã T, huyện H, Thành phố H, diện tích khoảng 49,1 m² (chưa hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, trị giá hiện nay khoảng 1.800.000.000đ);

+ Căn nhà số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 520281, số vào sổ cấp GCN CH 00923 do UBND huyện Củ Chi cấp cho bà L, ông T ngày 27/01/2011 (định giá 517.000.000đ);

+ Căn nhà tại tổ 25 (nay thuộc tổ 53), khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, theo giấy sang nhượng nhà đất ký giữa bà Đào Thanh Th và ông Nguyễn Văn T ngày 15/6/2015 trị giá 160.000.000 đồng, trị giá hiện nay khoảng 1.000.000.000đ. Nhà được xây trên lô đất chuyển nhượng nằm trong tổng diện tích 20.327,9 m² thuộc thửa 16,17 tờ bản đồ số 6 do ông Lê Hồng Tân, bà Phạm Thị Thu sở hữu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 184985, số vào sổ cấp GCN quyền sử dụng đất số 01079 QSDĐ/7013/QĐTP/2004) do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 25/3/2004. Hiện ông T đang cho gia đình ông Phạm Văn Hùng, bà Nguyễn Ngọc Lành thuê ở.

+ Khu đất diện tích khoảng 30 m² gần cạnh nhà số 56/1A ấp Chánh xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh (mua giấy tay của bác ba Sợi, trị giá khoảng 300.000.000đ)

+ Xe ô tô biển số 52T- 1735 (màu xanh rêu), hiện do ông T quản lý, sử dụng, trị giá khoảng 40.000.000đ;

+ Các tài sản chung được trang bị trong nhà số ấp Chánh 1, xã T, huyện H, Thành phố H bao gồm: 02 máy lạnh, 01 tủ lạnh, 01 máy giặt, tivi, cái quạt, bộ loa, 04 cái giường trị bệnh và thiết bị điện châm có tổng trị là 211.000.000 đ;

+ Tiền cho thuê căn nhà 9A đường Suối Lợi từ ngày 09/6/2019 đến tháng 12/2021 khoảng 120.000.000 đ (giá thuê 4.000.000đ/tháng);

+ Tiền cho thuê căn nhà tại Tổ 25 (nay thuộc tổ 53) Khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai từ tháng 06/2020 đến 12/2021 khoảng 18 tháng x 1.400.000 đ/tháng = 25.200.000 đ.

+ Tiền, vàng mừng cưới tổng cộng 96.000.000đ (4 chỉ vàng 9999, 45.000.000đ) do ông T giữ.

Tổng tài sản chung trị giá khoảng 4.112. 965.000 đ.

Bà L yêu cầu được sở hữu toàn bộ căn nhà 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để bà và các con có nơi ở ổn định. Nhà, đất còn lại, xe ô tô, tiền thuê nhà ước tính khoảng 3.695.965.000đ, hiện tại do ông T trực tiếp quản lý và sử dụng, mặc dù chưa được hợp thức hóa để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà theo quy định pháp luật hiện hành nhưng vẫn có giá trị rất lớn, bà L không tranh chấp với ông T.

-Về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt theo quy định, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị Thanh Th có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/03/2021 trình bày:

Bà Th có chuyển nhượng cho vợ chồng ông T căn nhà tọa lạc tại tổ 25 nay thuộc tổ 53, khu phố 4, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo giấy sang nhượng đất ký ngày 15/6/2015 với giá 160.000.000đ. Nhà được xây dựng trên lô đất ký hiệu E12 do bà Th nhận chuyển nhượng của ông Lê Hồng Tân theo giấy chuyển nhượng đất ngày 31/5/2011, nằm trong khu đất tổng thể 20.3279m² thuộc thửa 16, 17 tờ bản đồ số 6 do ông Lê Hồng Tân và bà Phạm Thị Thu Hương đứng tên sở hữu theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Đ 184985 (số vào sổ cấp GCN 01079/7013/QĐTP/2004 do UBND Thành phố Biên Hòa cấp ngày 25/3/2004). Bà Th cam kết không tranh chấp đối với căn nhà đã bán cho ông T, bà L và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên hòa giải, xét xử của Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H và ông Trần Đình Q có bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 23/4/2021 trình bày:

Vợ chồng bà có ký hợp đồng thuê nhà tại địa chỉ 9A đường Suối Lợi, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, Củ Chi với ông Nguyễn Văn T để kinh doanh nhà thuốc H Q. Th hạn hợp đồng là 02 năm từ ngày 9/6/2019. Tranh chấp căn nhà địa chỉ trên giữa bà L với ông T không liên quan đến vợ chồng ông bà nên ông bà không có ý kiến, không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị tòa án xét xử theo quy định pháp luật và xin được xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị H có bản

khai ngày 27/09/2022 trình bày: bà là nhân viên bán thuốc đang ở tại căn nhà 9A đường Suối Lợi, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, Củ Chi; nhà do ông Nguyễn Văn T đứng tên cho thuê; bà không liên quan tranh chấp tài sản chung giữa ông T với bà Đỗ Thị L, không có ý kiến gì trong vụ án, đồng ý chấp hành mọi quyết định của tòa và xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 818/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

- Giao 2 con chung Nguyễn Hoàng Ngân và Nguyễn Bảo Ân cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi 2 con 5.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.500.000đồng/tháng) bắt đầu từ khi án có hiệu lực đến khi hai con chung lần lượt đủ tuổi thành niên. Không chấp nhận yêu cầu của bà L đòi ông T cấp dưỡng một lần.

- Về tài sản chung: giao bà Đỗ Thị L được quyền sở hữu toàn bộ căn nhà 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T có trách nhiệm giao Bản chính Giấy chứng nhận sở hữu nhà đất và cùng với bà H, ông Q bàn giao nhà đất trên cho bà L khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: không có

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền, nghĩa vụ của cha mẹ với con chung sau ly hôn, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn có quyết định 02/QĐ-VKS-HNGĐ kháng nghị một phần bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị L trình bày: bà đồng ý với các quyết định của bản án sơ thẩm về việc ly hôn, việc nuôi và cấp dưỡng con chung, nợ chung không có. Đối với việc chia tài sản chung, bà L xác định chỉ yêu cầu tòa án chia đôi tài sản chung là nhà đất 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, cho bà L xin được nhận nhà để có chỗ ở ổn định nuôi con do bà chưa có nhà ở và đồng ý thanh toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà đất này căn cứ theo kết quả định giá của Tòa án là 258.500.000đ; các tài sản còn lại bà L không yêu cầu tòa án giải quyết phân chia trong vụ án này.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật.

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn trong hạn luật định nên hợp lệ về hình thức; Về nội dung kháng nghị: bản án sơ thẩm có nhiều nội dung vi phạm tố tụng khi giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của bà L, ông T và đã được phân tích rõ trong nội dung quyết định kháng nghị. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L đồng ý thanh toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 9A Suối Lội theo kết quả định giá của tòa án, tài sản còn lại không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, ghi nhận ý kiến bà L, sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn T đến tham gia phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00' ngày 09/09/2022 nhưng ông T vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa; Tòa án triệu tập hợp lệ ông T đến tham gia phiên tòa phúc thẩm vào lúc 8 giờ 00' ngày hôm nay 28/09/2022 nhưng ông T tiếp tục vắng mặt. Nguyên đơn bà Đỗ Thị L và người đại diện bà L để giải quyết về tài sản là ông Võ Vương Q, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H, ông Trần Đình Q, bà Đào Thị Thanh Th, bà Hồ Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hình thức: Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn làm trong Th hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 278, 279, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng nghị:

Bà Đỗ Thị L và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 138/2010 do Ủy ban nhân dân phường Tam Hiệp, thành

phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 30/7/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bà L yêu cầu được ly hôn với ông T, yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 2 con chung tên Nguyễn Hoàng Ngân, Nguyễn Bảo Ân; đồng Th yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 2 con một lần tổng cộng 675.000.000đ và xác định nợ chung không có.

Bản án sơ thẩm số 818/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã xét xử và chấp nhận yêu cầu ly hôn, được nuôi con chung của bà L và xác định nợ chung không có; buộc ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.500.000đ/con/tháng đến khi con thành niên. Phần này đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật.

Xét nội dung kháng nghị:

Theo đơn ly hôn ngày 18/06/2019, đơn khởi kiện bổ sung ngày 12/11/2020 và quá trình giải quyết vụ án bà L yêu cầu tòa án chia các tài sản chung gồm: Căn nhà số 56/1A ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn và Khu đất có diện tích khoảng 30 m² gần nhà này; Căn nhà số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Căn nhà tại tổ 25 nay thuộc tổ 53, khu phố 4, phường Trảng Dài, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; tiền cho thuê 2 căn nhà số 9A Suối Lợi, Củ Chi và nhà tại phường Trảng Dài, Biên Hòa; Xe ô tô màu xanh rêu biển số 52T- 1735 (màu xanh rêu); Các tài sản chung được trang bị trong nhà số 56/1A ấp Chánh 1, xã Tân Xuân, huyện Hóc Môn tổng trị là 211.000.000 đồng; tiền vàng cưới (08 chỉ vàng 9999, 45.000.000đ) tổng cộng 96.300.000 đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà L xác định chỉ yêu cầu chia nhà 9A Suối Lợi, các tài sản khác không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về việc tòa sơ thẩm không đình chỉ xét xử các yêu cầu chia các tài sản còn lại này là vi phạm tố tụng là có cơ sở. Nay bà L xác định vẫn chỉ yêu cầu tòa án chia tài sản chung là nhà đất số 9A Suối Lợi, các tài sản còn lại bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia các tài sản còn lại của bà L theo quy định pháp luật.

Đối với yêu cầu chia tài sản là nhà đất số 9A Suối Lợi, căn cứ theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 520281, số vào sổ cấp GCN CH 00923 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn T ngày 27/01/2011 và lời khai nhận của bà

Đỗ Thị L thì nhà đất số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh là tài sản chung của bà L với ông T. Căn cứ kết quả định giá tại chứng thư thẩm định giá số 0333/2021/CT-VATC ngày 06/04/2021 của Công ty thẩm định giá và DVTS Toàn Cầu (VATC) thì tài sản này trị giá 517.000.000đ.

Căn cứ nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn được quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình 2014 thì tài sản chung của vợ chồng chia đôi, nhưng có tính đến các yếu tố như hoàn cảnh gia đình, công sức đóng góp..., đương sự muốn được nhận phần tài sản lớn hơn có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh đủ điều kiện được chia phần tài sản lớn hơn, việc phân chia tài sản có thể chia bằng hiện vật hoặc chia theo giá trị. Do không có chứng cứ thể hiện việc đóng góp nhiều ít hay yếu tố nào khác nên theo nguyên tắc trên chia đôi tài sản chung của ông T bà L; Bà L có yêu cầu được nhận nhà đất số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh để có chỗ ở ổn định nuôi con nên bản án sơ thẩm xử giao cho bà L được nhận nhà là có căn cứ, nhưng không buộc bà L phải trả cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà đất là vi phạm nguyên tắc chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, từ đó việc tính án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải nộp cũng không đúng quy định pháp luật nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về nội dung này là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Vì vậy, cần buộc bà L phải thanh toán cho ông T $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất số 9A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo kết quả định giá của tòa sơ thẩm là $517.000.000đ : 2 = 258.500.000đ$.

Đối với nội dung kháng nghị: Buộc ông T, bà H, ông Q giao nhà đất, giấy tờ nhà 9A Suối Lợi cho bà L nhưng hồ sơ không thấy có tài liệu thể hiện 3 người này đang quản lý sử dụng nhà đất trên là không có cơ sở và vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Nhà đất số 9A Suối Lợi là tài sản chung của ông T bà L như đã nhận định trên và bản án sơ thẩm đã xử giao cho bà L được nhận nhà thì ông T có nghĩa vụ giao nhà đất nói trên, giấy tờ liên quan cho bà L theo qui định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H và ông Trần Đình Q xác nhận có ký hợp đồng thuê nhà 9A đường Suối Lợi, ấp 2, xã Phước Vĩnh An Th hạn thuê 02 năm từ ngày 9/6/2019 với ông Nguyễn Văn T để kinh doanh nhà thuốc H Q. Tính đến Th điểm xét xử sơ thẩm 30/12/2021 thì hạn thuê này đã hết, nếu không gia hạn thuê, tuy nhiên tòa án triệu tập nhiều lần ông T, bà H, ông Q đều vắng mặt không rõ lý do nên

không xác định được các bên có gia hạn thuê hay không. Theo kết quả xác minh của công an xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi ngày 14/09/2022 thì tại nhà đất trên có bà Hồ Thị H đang thực tế cư trú từ tháng 8/2019 đến nay nhưng không đăng ký tạm trú với công an xã; bà Hồ Thị H trình bày bà là nhân viên bán thuốc đang ở tại căn nhà trên, nhà do ông Nguyễn Văn T đứng tên cho thuê, bà không liên quan tranh chấp tài sản chung giữa ông T với bà Đỗ Thị L, không có ý kiến gì trong vụ án, đồng ý chấp hành mọi quyết định của tòa. Như vậy trên thực tế bên thuê nhà là ông Q bà H, bà Hà vẫn đang quản lý sử dụng nhà thuê của ông T, nhà đất này là tài sản chung của ông T bà L nên khi ký hợp đồng thuê phải có 2 người đồng ý cho thuê, việc chỉ có mình ông T đứng tên cho thuê là vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng đối với tài sản chung. Bà L được nhận nhà nên án sơ thẩm buộc bên có nghĩa vụ giao nhà là ông T, bà H ông Q là người đang thuê nhà phải giao nhà đất, giấy tờ nhà cho bà L nhằm đảm bảo thi hành án là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật nên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn về nội dung này không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận. Đồng Th, theo kết quả xác minh hiện nay bà Hà là nhân viên bán thuốc cho bà H ông Q đang thực tế cư trú trong nhà đất tranh chấp nên cũng phải có nghĩa vụ cùng ông T, bà H, ông Q giao nhà đất cho bà L theo quy định pháp luật.

Do đó, có cơ sở chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nguyên đơn phải chịu; Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà L, ông T mỗi người được nhận tài sản trị giá phải chịu tương ứng với phần tài sản được chia; Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con, ông T phải chịu, theo qui định pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm : vụ án không có kháng cáo; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn thuộc trường hợp không phải chịu án phí, lệ phí tòa án, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 148, 296, 306 và khoản 2 Điều 308, 309, 313 Bộ

luật Tổ tụng dân sự năm 2015;

-Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Luật Trẻ em năm 2016;

-Căn cứ Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận một phần quyết định kháng nghị số 02/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 13/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 818/2021/HNGĐ-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Đỗ Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T

-Về con chung: Giao 2 con chung Nguyễn Hoàng Ngân (nữ) sinh ngày 11/12/2011 và Nguyễn Bảo Ân (nữ) sinh ngày 30/07/2016 cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông T cấp dưỡng nuôi 2 con 5.000.000 đồng/tháng (mỗi con 2.500.000đồng/tháng) bắt đầu từ khi án có hiệu lực đến khi hai con chung lần lượt đủ tuổi thành niên. Không chấp nhận yêu cầu của bà L yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con một lần.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng

các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung:

Giao cho bà Đỗ Thị L được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ nhà đất số 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 520281, số vào sổ cấp GCN CH 00923 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn T ngày 27/01/2011).

Bà Đỗ Thị L có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Văn T $\frac{1}{2}$ giá trị của nhà đất trên là 258.500.000đ.

Ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm giao cho bà Đỗ Thị L bản chính giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 520281, số vào sổ cấp GCN CH 00923 do Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi cấp cho bà Đỗ Thị L, ông Nguyễn Văn T ngày 27/01/2011 và cùng với ông Trần Đình Q, bà Lê Thị H, bà Hồ Thị H bàn giao nhà đất nói trên cho bà Đỗ Thị L khi bản án có hiệu lực pháp luật

Sau khi bà Đỗ Thị L giao đủ số tiền trên cho ông Nguyễn Văn T, ông T có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để bà Đỗ Thị L được đứng tên sở hữu toàn bộ nhà đất số 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Các khoản phí, lệ phí phải nộp theo quy định của pháp luật để bà L đứng tên sở hữu nhà đất trên do bà L chịu.

Trường hợp sau khi bà Đỗ Thị L đã giao đủ tiền cho ông Nguyễn Văn T mà ông T không thực hiện các nghĩa vụ để làm thủ tục đứng tên sở hữu cho bà L thì bà L được quyền liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, công nhận quyền sở hữu đối với toàn bộ nhà đất số 09A đường Suối Lợi, tổ 2, ấp 2, xã Phước Vĩnh An, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật và phải chấp hành theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Về nợ chung: không có

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ bà Đỗ Thị L phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0004243 ngày 18/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ ông Nguyễn Văn T phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung bà L, ông T mỗi người phải chịu là 12.925.000đ. Bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã tạm nộp là 10.000.000đ và 9.025.000đ, hoàn lại cho bà L số tiền chênh lệch là 6.100.000đ, theo các biên lai thu tiền số AA/2019/0004244 ngày 18/06/2019 và AA/2019/0077157 ngày 15/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí dân sự phúc thẩm : Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn không phải chịu án phí, lệ phí tòa án, theo quy định pháp luật.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Các đương sự thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với Th gian và số tiền chậm thi hành.

4. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L đối với việc yêu cầu chia các tài sản còn lại để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu, theo quy định pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự; Th hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Chi cục THADS huyện Hóc Môn;
- TAND huyện Hóc Môn;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/25).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương